

CÁCH THỨC BIỂU ĐẠT VỀ LỜI ĂN TIẾNG NÓI TRONG TỤC NGỮ ANH-VIỆT

VÕ THỊ DUNG
(ThS, Đại học Quảng Bình)

1. Mở đầu

1.1. Ngôn ngữ do con người tạo ra và trở thành phương tiện giao tiếp quan trọng nhất trong xã hội. Với tư cách là công cụ giao tiếp, ngôn ngữ không chỉ giản đơn chuyển tải thông tin mà nó còn tác động đến đối tượng, thể hiện sự đánh giá, tình cảm của người nói. Tục ngữ là một loại phương tiện đặc dụng của ngôn ngữ. Do có cấu trúc đặc biệt, dễ thuộc, dễ nhớ và dễ vận dụng nên tục ngữ được ưa dùng trong giao tiếp trong ngôn ngữ văn chương...

Đã từng có nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến tục ngữ. Neal R. Norrick, một học giả Anh, cho rằng: *"Tục ngữ là một dạng ngôn ngữ nói, dùng trong hội thoại với chức năng giáo dục và không liên hệ với bất kì đối tượng cụ thể nào"* [12, tr.51]. Còn Mieder. W lại quan niệm: *"Tục ngữ là câu nói ngắn hàm chứa sự khôn ngoan"* [11, tr.25]. Ở Việt Nam, có rất nhiều nhà nghiên cứu văn học, ngôn ngữ học... cũng bàn về tục ngữ. Vũ Ngọc Phan, cho rằng: *"Tục ngữ là một câu tự nó diễn ra trọn vẹn một ý, một nhận xét, một kinh nghiệm, một luân lý, có khi là một sự phê phán"* [8, tr. 26]. Còn theo tác giả Nguyễn Lân, thì: *"Tục ngữ là những câu hoàn chỉnh, có ý nghĩa trọn vẹn, nói lên một nhận xét về tâm lý, một lời phê phán khen hay chê hoặc, một câu khuyên nhủ, một kinh nghiệm về nhận thức tự nhiên hay xã hội"* [6, tr.5]. Chu Xuân Diên, Lương Văn Đang,... [1, tr.27] lại coi tục ngữ diễn đạt *"một phán đoán"* và là *"một hiện tượng thuộc ý thức xã hội"*. Tác giả Hoàng Văn Hành, khi phân biệt thành ngữ với tục ngữ

và dưới cách nhìn của ngữ nghĩa học thì ông lại cho rằng *"tục ngữ là câu đặc biệt... là loại thông điệp nghệ thuật đặc biệt... ở chỗ hình thức của nó chỉ là một câu"* [3, tr. 32].

Tuy khác nhau về các tiêu chí nhận diện tục ngữ nhưng những ý kiến của các nhà nghiên cứu nêu trên cơ bản thống nhất: tục ngữ là những thông báo thiên về trí tuệ nhằm đúc rút những kinh nghiệm từ cuộc sống. Từ đó, ta có thể nhận diện tục ngữ qua một số đặc điểm cơ bản sau:

- + Về hình thức, tục ngữ được thể hiện bằng một câu, phát ngôn.
- + Về nội dung, tục ngữ là một phán đoán.
- + Về chức năng, tục ngữ có chức năng thông báo.

1.2. Tục ngữ là một trong những viên ngọc quý của kho tàng văn hóa dân gian của dân tộc. Chính vì vậy những kinh nghiệm về lời ăn tiếng nói được đúc kết trong tục ngữ vẫn có sức thuyết phục và được dùng phổ biến trong giao tiếp hàng ngày. Do vậy, tục ngữ là đối tượng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm như *"Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao về lời ăn tiếng nói"* của tác giả Anh Đào (1969); Luận án phó tiến sĩ *"Ngôn ngữ với việc phản ánh các yếu tố văn hoá và nhân sinh quan"* thông qua tục ngữ Anh - Việt của Nguyễn Văn Mười; *"Tục ngữ, thành ngữ tiếng Anh giàu hình ảnh"* của Phạm Văn Bình (1999); *"Tục ngữ so sánh"* của Phạm Văn Vĩnh. Về cách thức biểu đạt của tục ngữ Anh - Việt về lời ăn tiếng nói đến nay chưa tác giả nào đề cập đến một cách có hệ thống. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ tìm hiểu những cách thức

biểu đạt phổ biến trong tục ngữ Anh - Việt về lời ăn tiếng nói nhằm làm sáng tỏ nét đặc trưng riêng của mỗi cộng đồng dân tộc trong chiều sâu văn hoá.

2. Cách thức biểu đạt trong tục ngữ Anh-Việt về lời ăn tiếng nói

2.1. Ẩn chứa sau mỗi câu tục ngữ, sau những hình ảnh, kinh nghiệm là bản sắc văn hoá, phong cách sống, lối nói, lối nghĩ của dân tộc. Khảo sát hơn 400 câu tục ngữ Anh - Việt về lời ăn tiếng nói, chúng tôi đã chỉ ra các cách thức biểu đạt bao gồm: biểu đạt trực tiếp, biểu đạt gián tiếp và biểu đạt vừa trực tiếp vừa gián tiếp.

2.2. Biểu đạt trực tiếp

Ngôn ngữ được sử dụng chung để giao tiếp nhưng mỗi cộng đồng người lại có cách thể hiện riêng. Chính điều này tạo nên sự đa dạng, phong phú và không kém phần sinh động trong quá trình biến đổi của ngôn ngữ. Qua tư liệu khảo sát, chúng tôi thấy nhiều câu tục ngữ Anh về lời ăn tiếng nói dù miêu tả, khuyên răn hay tâm sự thể hiện rõ ràng, đề cập thẳng vào đối tượng. Khuynh hướng này phổ biến thể hiện cách quan sát của người Anh với hiện tượng đời sống trong xã hội “quan sát trực tiếp, mắt thấy tai nghe”. Khảo sát tục ngữ Anh về lời ăn tiếng nói có tới hơn 70% câu tục ngữ dùng cách biểu đạt trực tiếp như Bảng 1 dưới đây:

ngôn ngữ	tổng số tư liệu	về lời ăn tiếng nói	tỉ lệ (%)
Anh	187	133	71.12

Bảng 1: Cách biểu đạt trực tiếp trong tục ngữ Anh về lời ăn tiếng nói

Ở cách biểu đạt này, người Anh thường dùng các từ chỉ bộ phận của cơ thể người: *mouth, tongue, ear, lip* ... đến các từ chỉ hoạt động nói năng: *tell, speak, say, hear, speech, word, voice, parole, sound* ... để biểu thị hay khuyên răn cách dùng lời trong giao tiếp ứng xử.

Trong nói năng ứng xử, người Anh luôn đề cao sự kiệm lời, ngắn gọn súc tích. Những câu tục ngữ: **Least said, soonest**

mended (Nói ít, sửa nhanh. gt); hay **He knows much who knows how to hold his tongue** (Chim khôn tiếc lông, người ngoan tiếc lời. tđ) khuyên răn con người nên kiệm lời và tôn trọng nhau trong nói năng. Còn câu: **He that talks much, errs much** (Hương nặng thấp nặng khó, người nặng nói nặng lỗi. tđ) phê phán người nói nhiều, nói quá. Nhưng với những câu, kiểu:

A still tongue makes a wise head (Miệng lười làm nên người khôn ngoan. gt);

A tongue of idle people is never idle (Điếc hay ngóng, ngọng hay nói. tđ)

lại thể hiện cách người Anh nhìn nhận, đánh giá con người qua nói năng ứng xử.

Thông qua các từ kiểu như: **speak, say, tell, word**... hoặc những từ chỉ một số bộ phận của bộ máy phát âm của con người, như: **mouth, tongue, ear, lip**... người Anh thể hiện sự nhận xét tinh tế và nghệ thuật trong giao tiếp ứng xử. Các câu tục ngữ như: **He who says big, does a little** (Nói hay, cày dõ. tđ); **Great talkers are little doers** (Ấn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa. tđ) lại đề cao tính chân thật, lời nói phải đi đôi với việc làm. Còn những câu như: **Fair words hurt not the mouth** (Những lời nói chân tình không mang họa vào thân. gt) hay **Good words are worth much and cost little** (Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. tđ), hoặc **Words hurt more than swords** (Lưỡi sắc hơn gươm. tđ) lại đề cao giá trị của lời nói và khẳng định thực tế.

Ở tục ngữ của người Việt, các từ liên quan đến lời nói, như: *nói, lời, lời lẽ, tiếng*... hoặc những từ chỉ một số bộ phận của bộ máy cấu âm của con người, như: *miệng, mồm, môi, lưỡi*... được sử dụng đúng chỗ, hòa quyện một cách tự nhiên vào lời nói tạo ra nhiều cung bậc khác nhau trong giao tiếp. Khi giao tiếp nói năng, lời nói có thể làm con người gần gũi, gắn kết bởi *Lời nói nên vợ nên chồng*. Nhưng lời nói cũng có thể làm cho con người ta ngậm ngùi, đắng cay, đau đớn, kiểu như:

Lời nói cây chết tươi người chết đứng;
hay:

Lời nói đau hơn roi vọt.

Vì vậy, khi đề cập đến giá trị của lời nói, người Việt thường dùng một số hình ảnh biểu trưng để so sánh, kiểu:

Lời nói, gói vàng;

Một lời nói, một đọi máu;

Lời nói quan tiền thúng thóc, lời nói dùi đục cầm tay.

Bên cạnh đó, nhiều câu tục ngữ của người Việt khuyên răn con người trong giao tiếp. Và người nói năng đúng mực, nhã nhặn sẽ thuyết phục được người nghe, có thể tiến xa trong giao tiếp. Ngược lại có những lời nói không những không tạo được mối quan hệ tốt trong giao tiếp mà còn gây họa vào thân, như:

Lời chào cao hơn mâm cỗ;

Lời nói quan tiền thúng thóc, lời nói dùi đục cầm tay.

Vì vậy người Việt khuyên dùng lời, bởi:

Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Để hiểu rõ hơn cách biểu đạt trực tiếp trong tục ngữ của người Việt, xin xem thêm Bảng 2 dưới đây:

ngôn ngữ	tổng số tư liệu	về lời ăn tiếng nói	tỉ lệ (%)
Việt	240	140	58.33

Bảng 2: Cách biểu đạt trực tiếp trong tục ngữ Việt về lời ăn tiếng nói

Như vậy, sự xuất hiện các từ *speak, say, tell, word, mouth, tongue, ear, lip* trong tục ngữ Anh và *nói, lời, lời lẽ, tiếng, miệng, mồm, môi, lưỡi..* trong tục ngữ Việt làm câu tục ngữ có hình ảnh, sâu sắc, dễ nhớ, dễ đi vào lòng người. Và người Việt sử dụng cách nói trực tiếp (58%) ít hơn hẳn so với người Anh (71%).

2.3. Biểu đạt gián tiếp

Biểu đạt gián tiếp là lời nói ẩn dụ, tức diễn đạt qua một đối tượng trung gian. Tư liệu khảo sát thực tế các câu tục ngữ Anh, Việt cho thấy như ở Bảng 3 dưới đây:

ngôn ngữ	tổng số tư liệu	về lời ăn tiếng nói	tỉ lệ (%)
Anh	187	13	6.95
Việt	240	6	2.5

Bảng 3: Cách biểu đạt gián tiếp trong tục ngữ Anh, Việt về lời ăn tiếng nói

Kết quả khảo sát cho thấy: Tục ngữ về lời ăn tiếng nói của người Anh và người Việt đều sử dụng lối nói hàm súc này, nhưng tần số xuất hiện không nhiều (tiếng Anh chiếm 7%, tiếng Việt chiếm 3%). Người Anh có câu **Soft and fair go far** (*Nói ngọt lọt đến xương*, tđ) nêu lên nhận xét sự nhẹ nhàng, tinh tế trong lối nói dễ thuyết phục người nghe. Câu tục ngữ **Money talks** (*Có tiền khôn như mài mại, không tiền dại như thông dong*, tđ) với nghĩa đen: đồng tiền biết nói. Ấy thế nhưng thực tế tiền là vật vô tri nên không thể nói được. Mở rộng khái quát (nghĩa bóng) câu tục ngữ thể hiện người giàu sang có của, nhiều tiền có thể làm nhiều điều theo ý mình. Hoặc câu **To cry with one eye and laugh with the other** (*Một mặt, hai lòng*, tđ) mà nghĩa đen là: khóc mắt này và cười mắt kia. Thế nhưng nghĩa bóng của câu tục ngữ này thể hiện nghĩa: (*người ta*) thấy bạn gặp khó khăn hoạn nạn thì bề ngoài chia sẻ, nhưng trong bụng mừng thầm ...

Với tục ngữ Việt về lời ăn tiếng nói, câu thường ngắn gọn, súc tích và đa nghĩa (nghĩa đen và nghĩa bóng). Câu tục ngữ **Mật ngọt chết ruồi, những nơi cay đắng là nơi thật thà** nêu nhận xét về hiện tượng ruồi thích mật, nó có thể đậu vào và không lường được đó là cái bẫy dẫn đến chết. Mở rộng khái quát câu tục ngữ đề cập đến kết quả lời đường mật sẽ quyến rũ lừa dối được người nghe còn những lời nói thẳng thắn, thật sẽ khiến người nghe khó chịu, căm ghét. Lối nói gián tiếp (ẩn dụ) qua đối tượng trung gian ở tục ngữ của người Việt về lời ăn tiếng nói (3%) chiếm tỉ lệ ít hơn so với tục ngữ của người Anh (7%).

2.4. Vừa biểu đạt trực tiếp vừa biểu đạt gián tiếp

Ngoài cách thức biểu đạt trực tiếp hay gián tiếp trong tục ngữ về lời ăn tiếng nói ở trên, người Anh sử dụng cả cách biểu đạt vừa trực tiếp vừa gián tiếp. Với cách biểu đạt như vậy, người Anh thường sử dụng các đối tượng rất gần gũi với con người trong cuộc sống thường nhật, như: **wine, think, deed, wisdom, knife...** Và trong tục ngữ của người Việt cũng vậy, thậm chí cách biểu đạt vừa trực tiếp vừa gián tiếp còn chiếm tỉ lệ cao hơn (so với tiếng Anh) như ở Bảng 4 dưới đây:

ngôn ngữ	tổng số tư liệu	về lời ăn tiếng nói	tỉ lệ (%)
Anh	187	41	21.93
Việt	240	94	39.17

Bảng 4: Cách biểu đạt vừa trực tiếp vừa gián tiếp trong tục ngữ Anh, Việt về lời ăn tiếng nói

Tư liệu khảo sát cho thấy: Số lượng câu tục ngữ Anh về lời ăn tiếng nói sử dụng cách biểu đạt vừa trực tiếp, vừa gián tiếp có 41/187 câu, chiếm 21%. Chẳng hạn, trong những câu tục ngữ như:

First think, then speak (*Ăn có nhai, nói có nghĩ. tđ*);

Think today, speak tomorrow (*Chó ba quanh mới nằm, người ba năm mới nói. tđ*);

Think twice before you speak once (*Nghĩ hai lần trước khi nói. tđ*)

đã đúc kết kinh nghiệm, khuyên người ta nên suy nghĩ cẩn trọng trước khi nói năng. Nói nhiều dễ bộc lộ sai sót, gây nên những hậu quả khôn lường.

Còn người Việt, với lối nói ví von, từ xa đến gần, sử dụng nhiều đối tượng hết sức gần gũi với đời sống thường nhật của con người Việt trong cùng một câu tục ngữ, kiểu như: *con chim khôn, con gà, cái chum, cái vại, giếng nước, cái chuông...* Đây chính là cách người Việt đã gián tiếp dẫn dắt về lời nói, làm cho lời bình phẩm khen chê, khuyên răn trong câu tục ngữ trở nên sinh động, giàu sắc thái biểu cảm. Các cứ liệu khảo sát cho thấy: Ở tục ngữ của người Việt về lời ăn tiếng nói,

các từ chỉ hành động “ăn” đi kèm với “nói” là rất phổ biến, chẳng hạn như những câu:

Ăn bớt bát, nói bớt lời;

Ăn có nhai, nói có nghĩ;

Ăn gian, nói dối;

Ăn lăm thì hết miếng ngon, nói lăm thì hết lời khôn hoá rõ;

Ăn lúc đói, nói lúc say;

Ăn mặn nói ngay còn hơn ăn chay nói dối;

Ăn một miếng, tiếng một đời; Ăn nên đọi, nói nên lời;

Ăn ngay nói thật, mọi tật mọi lành;

Ăn xôi chùa ngong miệng.

Hình ảnh những con vật rất thân thương, gần gũi trong cuộc sống của người Việt, như: con chim, con gà, con chó.. được ví von, đề cập nhiều trong tục ngữ, đặc biệt trong tục ngữ về lời ăn tiếng nói. Ta có thể thấy hàng loạt những câu tục ngữ có bóng dáng của những con vật này. Ví dụ:

Chim khôn chưa bắt đã bay, người khôn ít nói ít hay trả lời;

Chim khôn tiếc lông, người ngoan tiếc lời;

Chim khôn kêu tiếng rảnh rang, người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe;

Chim khôn chưa bắt đã bay, người khôn chưa nói dang tay đỡ lời;

Gà ba lần vỗ cánh mới gáy, người ba lần ngẫm nghĩ mới nói;

Chó ba quanh mới nằm, người ba năm mới nói.

Số liệu về tỉ lệ sử dụng cách thức biểu đạt: vừa trực tiếp vừa gián tiếp trong tục ngữ của người Việt chiếm tỉ lệ cao hơn hẳn so với cách sử dụng của người Anh. Rõ ràng, đặc điểm văn hóa của cư dân nông nghiệp (Việt) đã chi phối cách suy nghĩ, biểu đạt trong tục ngữ về lời ăn tiếng nói. Người Việt thường ít khi nói thẳng, mà thường nói vòng vo, xa gần và kết hợp cách nói gần để người đối thoại liên tưởng. Trong khi đó, người Anh lại thích nói thẳng, nói thật.

3. Kết luận

Tục ngữ là một đơn vị ngôn ngữ đặc biệt, có tính khái quát cao và ẩn chứa nhiều yếu tố văn hoá của cộng đồng người. Đi sâu tìm hiểu một số cách thức biểu đạt trong tục ngữ

về lời ăn tiếng nói, đã phần nào làm sáng rõ đặc trưng lời ăn tiếng nói của cộng đồng người Anh và người Việt trong chiều sâu văn hóa.

3.1. Tuy khác nhau về loại hình văn hoá, nhưng tục ngữ của người Anh và của người Việt về lời ăn tiếng nói đều có cách thức biểu đạt giống nhau. Đó là: cách thức biểu thị trực tiếp, biểu thị gián tiếp, vừa biểu thị trực tiếp vừa biểu thị gián tiếp, nhưng ở những cung bậc khác nhau. Người Anh thiên về lời biểu đạt trực tiếp hơn người Việt.

3.2. Hình ảnh bộ phận cơ thể con người được người Anh và người Việt đề cập đến rất nhiều trong tục ngữ về lời ăn tiếng nói. Tuy nhiên trong tục ngữ Anh hình ảnh thể giới tự nhiên, thể giới đồ vật ít được đề cập, thì ở tục ngữ Việt lại xuất hiện nhiều hơn.

3.3. Cùng phản ánh các mặt trong cuộc sống cộng đồng xã hội, nhưng ở tục ngữ của người Anh thì tính hiện thực cuộc sống vật chất mà con người hướng tới được thể hiện rất rõ nét. Ngược lại, ở tục ngữ của người Việt lại có xu hướng thiên về khuyên răn con người hoàn thiện về tinh thần.

3.4. Tục ngữ Anh và tục ngữ Việt đều đề cập đến con người và các mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội. Tuy nhiên trong tục ngữ Anh thường đề cao con người cá nhân, còn tục ngữ Việt lại đề cao con người trong mối quan hệ hài hoà với cộng đồng. Để kết thúc bài viết này, chúng tôi tổng hợp, phân loại cách thức biểu đạt trong tục ngữ Anh - Việt về lời ăn tiếng nói, như bảng 5 dưới đây:

Bảng 5: Cách thức biểu đạt của tục ngữ Anh - Việt về lời ăn tiếng nói

ngôn ngữ	tổng số	cách thức biểu đạt					
		trực tiếp		gián tiếp		vừa trực tiếp vừa gián tiếp	
Anh	187	133	71.12%	13	6.95%	41	21.93%
Việt	240	140	58.33%	6	2.5%	94	39.17%

Tài liệu tham khảo

1. Chu Xuân Diên, Lương Văn Đang, Phương Tri, *Tục ngữ Việt Nam*, Nxb. KHXH., H., 1975.
2. Anh Đào, *Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao về lời ăn tiếng nói*, Ngôn ngữ, 1969, số 2.
3. Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb. KHXH, H., 2004.
4. Nguyễn Thái Hòa, *Miêu tả và phân loại các khuôn hình tục ngữ Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, H., 1982.
5. Lê Văn Hòe, *Tục ngữ lược giải*, Quốc học thư xã, In lần thứ 3, Huế, 1989.
6. Nguyễn Lân, *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb. KHXH., Hà Nội, 1994.
7. Đỗ Thị Kim Liên, *Tục ngữ Việt Nam dưới góc nhìn ngữ nghĩa - ngữ dụng*, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2006.
8. Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, Nxb. Văn học, 2004.
9. Hoàng Trinh, *Tục ngữ Việt Nam và các hình thể ngôn ngữ*, Tạp chí Văn học, 1990, số 5.
10. Cù Đình Tú, *Góp ý kiến về phân biệt thành ngữ với tục ngữ*, Ngôn ngữ, 1973, số 1.

11. Mieder.W, *Proverbs are out of season*, Nxb. Oxford University Press, London, 1993.

12. Norrick, Neal R, *How proverbs mean*, Nxb. Mouton, Amsterdam, 1985.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 02-06-2010)

HỘP THƯ

Trong tháng 6/2010, **NN & ĐS** đã nhận được thư, bài của các bạn: Đặng Phương Lan, Bùi Thị Lâm, Lê Thị Lâm, Lê Thanh Bình, Hoàng Thị Thanh Huyền Nguyễn Thế Thắng (Hà Nội); Ngô Thu Thủy-Nguyễn Như Trang, Trần Tố Quyên (Thái Nguyên); Trần Thị Kim Hoa (Bắc Cạn); Trần Đăng Kiên (Hà Tĩnh); Từ Thu Mai (Quảng Trị); Nguyễn Thị Thuý Hồng (Nha Trang); Võ Thị Dung (Quảng Bình); Lê Trung Hoa, Hồ Văn Hải, Nguyễn Văn Hải (Tp HCM).

Toà soạn **NN & ĐS** xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của quý vị và các bạn.

NN & ĐS